

PHÂN TÍCH DI CƯ NỘI ĐỊA QUA KẾT QUẢ TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2019

*ThS. Dương Thùy Linh**

Tóm tắt:

Di cư là động lực tích cực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, góp phần phân bổ lại dân cư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế lao động, giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo và bảo đảm phát triển bền vững. Do đó, thông tin về di cư có vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu và hoạch định các chiến lược, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đặc biệt trong bối cảnh mức sinh và mức chết tương đối ổn định như ở Việt Nam hiện nay. Bài viết phản ánh tình hình di cư nội địa ở Việt Nam qua Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.

Di cư là sự thay đổi nơi cư trú của con người, từ đơn vị lãnh thổ này tới một đơn vị lãnh thổ khác trong một khoảng thời gian nhất định. Một người từ 5 tuổi trở lên được coi là người di cư nếu nơi thực tế thường trú hiện nay và nơi thực tế thường trú 5 năm trước thời điểm điều tra không cùng một đơn vị hành chính cấp xã. Qua kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, tại thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019, một số đặc điểm về di cư nội địa ở Việt Nam như sau:

Thứ nhất, mặc dù dân số liên tục tăng nhưng di cư đang có dấu hiệu giảm cả về số lượng và tỷ lệ, người di cư có xu hướng lựa chọn điểm đến di cư trong phạm vi quen thuộc của họ

Sự thay đổi về tình hình di cư cho thấy mối liên hệ giữa di cư và sự phát triển kinh tế tại Việt Nam. Trong thập kỷ 1989-1999, do chính sách khuyến khích di dân đến những vùng kinh tế mới, sự chuyển đổi từ kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường cùng với sự phát triển của giao thông vận tải, dân số di cư tăng mạnh từ 2,4 triệu

người năm 1989 lên 4,5 triệu người năm 1999, tương ứng với tỷ lệ di cư lần lượt là 4,5% và 6,5% tổng dân số từ 5 tuổi trở lên. Bước sang thập kỷ 1999-2009, trong bối cảnh nền kinh tế phát triển mạnh mẽ kèm theo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ cũng như sự bùng nổ của các khu công nghiệp, chế xuất, di cư trở nên ngày càng phổ biến với 6,7 triệu người di cư được ghi nhận năm 2009, chiếm 8,5% tổng dân số từ 5 tuổi trở lên. Tuy nhiên, tới thập kỷ 2009-2019, việc thực hiện thành công các chương trình mục tiêu, dự án kinh tế - xã hội tại các địa phương mà điển hình là chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới đã thu hẹp khoảng cách kinh tế giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, miền, qua đó làm giảm cả số lượng và tỷ lệ người di cư trong giai đoạn này. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, cả nước có 6,4 triệu người là người di cư, chiếm 7,3% tổng dân số từ 5 tuổi trở lên của cả nước.

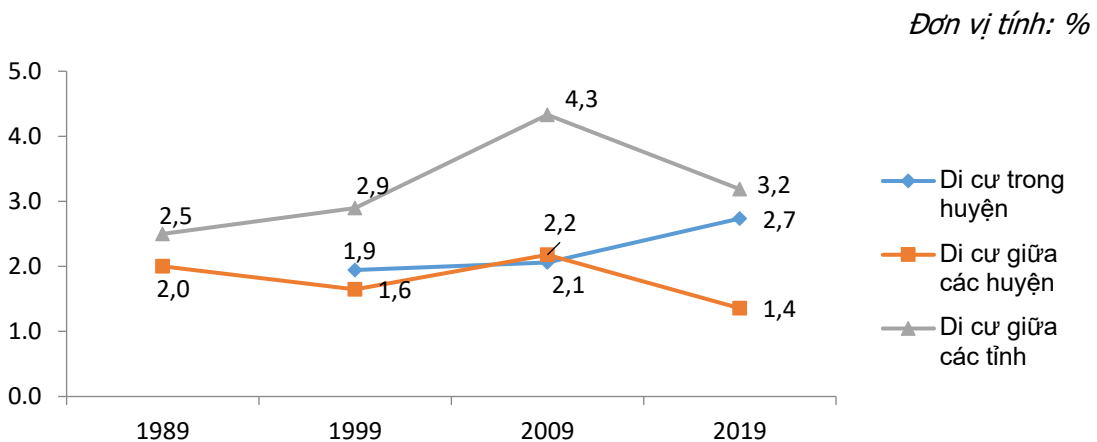
* Vụ Thống kê Dân số và Lao động, TCTK

THÔNG KÊ VÀ CUỘC SỐNG

Phân loại mức độ di cư theo cấp hành chính cho thấy có sự khác biệt về lựa chọn điểm đến di cư trong giai đoạn trước năm 2009 và sau năm 2009. Nếu như dân số di cư ở cả ba loại hình: di cư trong huyện, di cư giữa các huyện và di cư giữa các tỉnh đều ghi nhận xu hướng tăng trong giai đoạn 1989-2009 (mặc dù xét về tỷ lệ thì di cư giữa các

huyện có giảm nhẹ trong giai đoạn 1989-1999) thì đến năm 2019, trong khi di cư trong huyện vẫn duy trì xu hướng tăng từ những giai đoạn trước, di cư giữa các huyện và giữa các tỉnh giảm cả về số lượng và tỷ lệ. Như vậy, có thể thấy trong bối cảnh di cư đang thu hẹp, người di cư cũng có xu hướng lựa chọn điểm đến trong phạm vi quen thuộc của họ.

Hình 1: Tỷ lệ người di cư chia theo mức độ di cư giai đoạn 1989-2019



Nguồn: Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở qua các năm

Thứ hai, phần lớn người di cư tập trung ở nhóm tuổi trẻ. Mặc dù nữ giới vẫn chiếm đa số trong tổng dân số di cư, sự khác biệt về giới tính của dân số di cư đang dần được điều chỉnh theo hướng cân bằng

Độ tuổi phổ biến của người di cư là từ 20-39 tuổi với 61,8% người di cư thuộc nhóm tuổi này, gần gấp đôi tỷ lệ người không di cư cùng nhóm tuổi (33,2%). Tuổi trung vị của người di cư là 28 tuổi, tức một nửa dân số di cư có độ tuổi dưới 28 trong khi tuổi trung vị của người không di cư là 31 tuổi, cao hơn 3 tuổi. Như vậy, kết quả Tổng điều tra năm 2019 một lần nữa khẳng định thêm phát hiện của các cuộc Tổng điều tra trước đây rằng người di cư thường là người trẻ tuổi.

Ngoài ra, kết quả Tổng điều tra năm 2019 cũng thể hiện khá rõ một hiện tượng rất được chú ý trong các nghiên cứu di cư thường được biết đến với tên gọi "nữ hóa di cư". Trong tổng dân số di cư, nữ giới chiếm 55,5%, cao hơn so với mức 50,1% của dân số không di cư. Xét theo từng loại hình di cư, tỷ lệ nữ giới cũng vượt trội hơn hẳn so với nam giới và di cư ở cấp hành chính càng thấp, khoảng cách về tỷ lệ này càng rõ rệt. Tuy nhiên, nếu như tỷ lệ nữ di cư tăng dần trong giai đoạn 1999-2009 thì đến Tổng điều tra năm 2019, tỷ lệ này có xu hướng giảm trong khi tỷ lệ nam di cư tăng. Điều này cho thấy, sự khác biệt về giới tính của dân số di cư đang dần được điều chỉnh theo hướng cân bằng.

Biểu 1: Cơ cấu giới tính của người di cư và không di cư giai đoạn 1999-2019

Đơn vị tính: %

Loại hình di cư	1999		2009		2019	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Di cư trong huyện	41,8	58,2	36,4	63,6	40,7	59,3
Di cư giữa các huyện	45,2	54,8	43,4	56,6	43,5	56,5
Di cư giữa các tỉnh	50,0	50,0	47,0	53,0	48,2	51,8
Không di cư	49,0	51,0	49,8	50,2	49,9	50,1

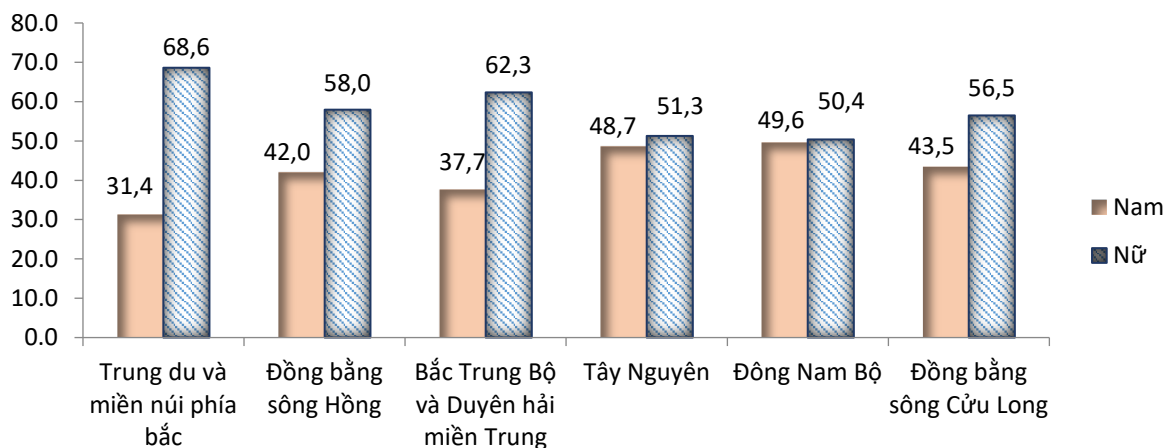
Nguồn: Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở qua các năm

Sự chiếm ưu thế của nữ giới trong dân số di cư cũng được ghi nhận ở tất cả các vùng kinh tế - xã hội. Trong đó, rõ ràng nhất là vùng Trung du và miền núi phía Bắc với tỷ lệ nữ di cư cao gấp hơn hai lần so với nam di

cư. Xem xét lý do di cư, trong khi nữ di cư tới Trung du và miền núi phía Bắc chủ yếu vì lý do kết hôn thì phần lớn nam giới quyết định di chuyển tới vùng này vì lý do theo gia đình hoặc chuyển nhà.

Hình 2: Cơ cấu giới tính dân số di cư theo vùng kinh tế - xã hội tại thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019

Đơn vị tính: %



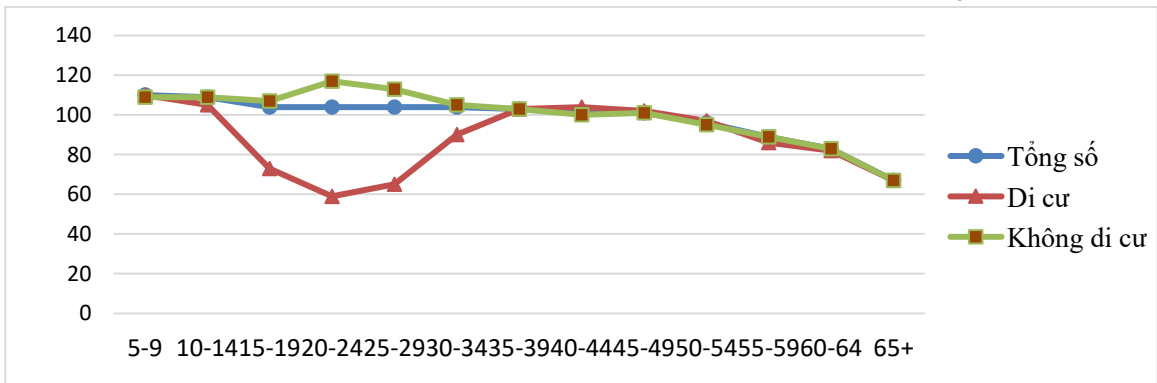
Nguồn: Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019

So sánh sự khác biệt giữa tỷ số giới tính của người di cư và không di cư theo từng nhóm tuổi cũng phần nào phản ánh rõ hơn hiện tượng "nữ hóa di cư". Trong 13 nhóm tuổi, có tới 8 nhóm tuổi của người di cư ghi nhận tỷ số giới tính nhỏ hơn 100, tập trung ở các độ tuổi từ 15-34 và từ 50 tuổi trở lên. Tỷ số giới tính thấp nhất là ở nhóm 20-24 tuổi

với 59 nam/100 nữ. Trong khi đó, tỷ số giới tính của người không di cư theo từng nhóm tuổi là khá tương đồng với tỷ số giới tính của toàn bộ dân số từ 5 tuổi trở lên. Chỉ có 4 trong tổng số 13 nhóm tuổi của người không di cư có tỷ số giới tính nhỏ hơn 100 và đều thuộc vào nhóm dân số từ 50 tuổi trở lên.

Hình 3: Tỷ số giới tính của người di cư và không di cư theo nhóm tuổi tại thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019

Đơn vị: số nam/100 nữ



Nguồn: Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 và tính toán từ tác giả

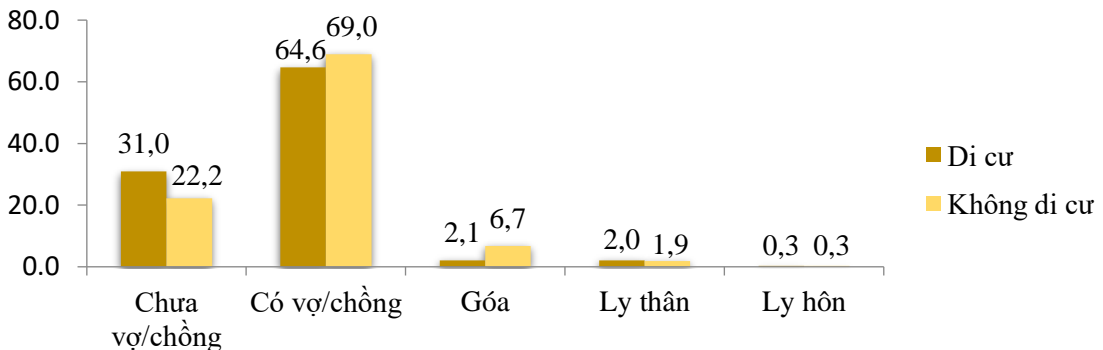
Thứ ba, tỷ lệ chưa vợ/chồng của người di cư cao hơn người không di cư 1,4 lần và có sự khác biệt về tình trạng hôn nhân của người di cư giữa nam và nữ, giữa khu vực thành thị và khu vực nông thôn

Có sự khác biệt về tình trạng hôn nhân của người di cư và không di cư, tỷ lệ chưa vợ/chồng của người di cư cao hơn người không di cư 1,4 lần, tương ứng là 31,0% và 22,2%. Sự khác biệt này phần lớn là do

người di cư có cấu trúc tuổi trẻ hơn so với người không di cư. Một nguyên nhân khác có thể là do việc di cư với mục đích lao động hay học tập dẫn đến trì hoãn việc kết hôn (76% người di cư chưa có vợ/chồng cho biết mục đích di cư của họ là tìm việc/bắt đầu công việc mới hoặc đi học). Tỷ lệ ly hôn, ly thân của người di cư và người không di cư không có nhiều khác biệt, tuy nhiên, tỷ lệ góa của người di cư chỉ bằng 1/3 so với người không di cư, tương ứng là 2,1% và 6,7%.

Hình 4: Tình trạng hôn nhân của người di cư và không di cư tại thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019

Đơn vị tính: %



Nguồn: Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở qua các năm và tính toán từ tác giả

Phân tích tình trạng hôn nhân của người di cư và không di cư theo thành thị, nông thôn cho thấy một số phát hiện đáng chú ý. Tỷ lệ người di cư chưa vợ/chồng ở khu vực thành thị cao hơn nhiều so với khu vực nông thôn, tương ứng là 37,1% so với 20,1%. Tại khu vực thành thị, tỷ lệ chưa vợ/chồng của người di cư cao hơn của người không di cư (37,1% so với 25,7%) trong khi tại khu vực nông thôn, tỷ lệ này của người di cư và không di cư không có nhiều khác biệt (20,1% so với 20,4%). Nguyên nhân có thể là vì trong số những người di cư đến khu vực thành thị, có tới gần một nửa di cư với mục đích tìm việc/bắt đầu công việc mới hoặc đi học, trong khi đó, người di cư đến khu vực

nông thôn với cùng mục đích chỉ chiếm 37,7%. Bên cạnh đó, nếu như tỷ lệ người di cư đến nông thôn vì lý do "kết hôn" chiếm tới một phần ba tổng số người di cư đến khu vực này (33,2%) thì tỷ lệ người di cư đến khu vực thành thị với mục đích "kết hôn" chỉ chiếm 8,9%.

Xem xét tình trạng hôn nhân của người di cư theo giới tính cũng cho thấy có sự khác biệt giữa hai giới. Tỷ lệ chưa vợ/chồng của nam di cư cao hơn nữ di cư, tương ứng là 37,3% so với 26,0%. Kết quả này phần nào được giải thích bởi tỷ lệ nữ di cư vì lý do "kết hôn" cao hơn nhiều so với nam di cư, tương ứng là 26,0% và 7,2%.

Biểu 2: Tình trạng hôn nhân của người di cư và không di cư theo thành thị, nông thôn và giới tính tại thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019

Đơn vị tính: %

Tình trạng hôn nhân	Thành thị, nông thôn				Giới tính			
	Thành thị		Nông thôn		Nam		Nữ	
	Di cư	Không di cư	Di cư	Không di cư	Di cư	Không di cư	Di cư	Không di cư
Tổng số	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Chưa vợ/chồng	37,2	25,7	20,1	20,4	37,4	26,2	26,0	18,3
Có vợ/chồng	58,4	65,8	75,5	70,5	60,4	70,0	67,9	67,9
Góa	2,1	5,9	2,0	7,1	0,7	2,0	3,1	11,3
Ly hôn	2,0	2,3	2,0	1,7	1,3	1,5	2,6	2,2
Ly thân	0,3	0,3	0,4	0,3	0,2	0,3	0,4	0,3

Nguồn: Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 và tính toán từ tác giả

Đề xuất, khuyến nghị chính sách

Di cư biểu hiện tính cơ động xã hội, gắn với quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa. Ở Việt Nam, hình thức di cư nông thôn - thành thị vẫn là hình thức phổ biến nhất, nguyên nhân chủ yếu là do việc làm và thu nhập. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, nếu không có những chính sách phù hợp, di cư quá mức cũng có thể đem lại những hệ

lụy cho phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng, địa phương cần tính tới dân số di cư để đảm bảo các chính sách, kế hoạch này thích ứng với những biến đổi của yếu tố nhân khẩu học cũng như khai thác được sự đóng góp tốt nhất của dân số di cư cho sự phát triển của cả nơi xuất cư và các điểm đến. Việc phân bổ ngân sách cho các

➤ ➤ ➤ THÔNG KÊ VÀ CUỘC SỐNG

địa phương cần gắn với số lượng cư dân thực tế sinh sống tại địa phương đó, bao gồm cả những người cư trú tạm thời.

Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 đã cung cấp thêm những bằng chứng khẳng định các phát hiện trước đây cho thấy người di cư thường là những người trẻ tuổi, tập trung ở độ tuổi từ 20-39 tuổi. Điều đó cho thấy cần có những chính sách cung cấp thông tin và dịch vụ chăm sóc sức khỏe tình dục, sức khỏe sinh sản và kỹ năng sống phù hợp cho nhóm đối tượng người di cư trẻ tuổi ở các vùng nhập cư, đặc biệt là phụ nữ di cư - đối tượng dễ bị tổn thương do không được đảm bảo các quyền lợi tại nơi đến và sự phân biệt giới tính. Các cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở nói chung và Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 nói riêng chỉ thu thập thông tin về nơi thực tế thường trú cách đây 5 năm và đối chiếu với nơi thực tế thường trú hiện tại để xác định các trường hợp di cư trong vòng 5 năm kể từ thời điểm điều tra, không thu thập thông tin về các

nhóm di cư ngắn hạn khác. Chính vì vậy, cần có cuộc điều tra chuyên đề về di cư nhằm thu thập đầy đủ thông tin về các nhóm dân số di cư, qua đó phục vụ công tác hoạch định và xây dựng chính sách đối với nhóm dân số này. Ngoài ra, có sự tác động ngược chiều đối với những địa phương nhập cư và xuất cư, nơi đến nhận được nhiều lao động trẻ thông qua di cư trong khi nơi đi phải đối mặt với già hóa dân số và những hệ quả như tăng tỷ lệ phụ thuộc, tăng hỗ trợ an sinh xã hội và chăm sóc sức khỏe cho người già. Chính vì vậy, việc phân bổ ngân sách quốc gia cho các địa phương cần tính đến các yếu tố này nhằm giảm bớt sự cách biệt giữa tỉnh nhập cư và tỉnh xuất cư.

Tài liệu tham khảo:

1. Tổng cục Thống kê, *Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở qua các năm*;
2. Tổng cục Thống kê, *Kết quả điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa qua các năm*.